

ĐẢNG BỘ HUYỆN BẠCH THÔNG
ĐẢNG ỦY XÃ LỤC BÌNH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Số -CV/ĐU

Lục Bình, ngày tháng 5 năm 2024

Đề nghị báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện
Kết luận số 49-KL/TW

Kính gửi: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã.

Thực hiện Công văn số 1409-CV/HU, ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Huyện ủy về việc sơ kết 05 năm thực hiện Kết luận số 49-KL/TW, ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư (khóa XII) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, Thường trực Đảng ủy yêu cầu:

Ủy ban nhân dân xã báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Kết luận số 49-KL/TW (theo đề cương và phụ lục gửi kèm) gửi về Thường trực Đảng ủy **trước ngày 20 tháng 5 năm 2024**.

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Thường trực Huyện ủy,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Đinh Thị Mỹ

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 49-KL/TW, ngày 10/5/2019 của
Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị về
“tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài,
xây dựng xã hội học tập”**

*(Kèm theo Công văn số -CV/ĐU, ngày tháng 5 năm 2024
của Đảng ủy xã)*

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Nêu khái quát đặc điểm tình hình chung của đơn vị, địa phương; những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện Kết luận số 49-KL/TW.

II. CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI KẾT LUẬN SỐ 49-KL/TW

Đánh giá công tác nghiên cứu, phổ biến, quán triệt tổ chức triển khai tại địa phương, cơ quan, đơn vị, trong đó nêu rõ: Phương thức, tiến độ triển khai; thống kê số lượng các hội nghị nghiên cứu, phổ biến, quán triệt, thành phần tham gia; hiệu quả đạt được.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 49-KL/TW

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện

Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chủ trương của Đảng về khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập: Việc ban hành các kế hoạch, chương trình hành động triển khai thực hiện Kết luận số 49-KL/TW của các đơn vị, địa phương (*liệt kê chi tiết các văn bản đã ban hành tại mục I của Phụ lục*).

2. Công tác tuyên truyền

Kết quả tuyên truyền về các nhiệm vụ, giải pháp trong Kết luận số 49-KL/TW; các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Quyết định số 489/QĐ-TTg, ngày 8/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW; Chỉ thị số 14/CT-TTg, ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 1383/QĐ-TTg, ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

(Báo cáo cần tập trung làm rõ các nội dung: Đổi mới hình thức tuyên truyền; lồng ghép trong chương trình giáo dục chính trị tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, trung tâm chính trị; phối hợp tuyên truyền, vận động toàn dân tham gia vào công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; biểu dương gương sáng tự học; tuyên dương và nhân rộng các mô hình hay, phong trào hoạt động tốt về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập).

3. Vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội

Đánh giá vai trò, sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội trong triển khai thực hiện Kết luận số 49-KL/TW.

(Báo cáo cần tập trung làm rõ nội dung: Những biện pháp thúc đẩy việc học tập suốt đời của các thành viên, hội viên trong các tổ chức chính trị-xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; triển khai xây dựng mô hình “Đơn vị học tập” tại các cơ quan, trường học, bệnh viện, doanh nghiệp và trong lực lượng vũ trang nhằm cụ thể hóa việc thực hiện Kết luận số 49-KL/TW).

4. Phát triển tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động và đa dạng các mô hình học tập

- Việc củng cố và phát triển các tổ chức hội khuyến học trong các cộng đồng dân cư; các cơ quan, trường học, bệnh viện, doanh nghiệp và trong lực lượng vũ trang.

- Hiệu quả hoạt động của các thiết chế giáo dục ngoài nhà trường, các thiết chế văn hóa ở cơ sở.

- Kết quả việc gắn kết và liên thông giữa giáo dục chính quy với giáo dục thường xuyên, giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình, giáo dục xã hội trong các cơ sở giáo dục và đào tạo; ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ giáo dục, khai thác có hiệu quả tài nguyên giáo dục mở, trong đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá trong các cơ sở giáo dục thường xuyên.

5. Tiếp tục xóa mù chữ cho người lớn, thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

- Chất lượng, hiệu quả công tác xóa mù chữ cho người lớn gắn với việc phổ cập nghề và giải quyết việc làm cho người lao động, trang bị kỹ năng thiết yếu cho người mới biết chữ, người trong độ tuổi lao động có thể tự tạo việc làm, hoặc chuyển đổi nghề nghiệp thích ứng với những thay đổi của xã hội, nhất là đối với người dân tộc thiểu số và phụ nữ.

- Chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với cán bộ, công chức, viên chức; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống cho công nhân, người lao động ở cơ quan, đơn vị, địa phương; và học tiếng dân tộc.

6. Đổi mới cơ chế tài chính, đẩy mạnh xã hội hóa công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng công dân học tập, đơn vị học tập và tỉnh, thành phố học tập

- Đánh giá việc ban hành những quy định về cơ chế, chính sách của địa phương, đơn vị đối với công tác khuyến học, khuyến tài xây dựng xã hội học tập.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả đạt được trong việc xây dựng các mô hình học tập: “Công dân học tập”, “Đơn vị học tập”, “Cộng đồng học tập”, ...

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả đạt được trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, những tài năng trẻ trong học sinh, sinh viên.

7. Hợp tác quốc tế

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả đạt được trong việc thúc đẩy, tăng cường hợp tác quốc tế khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

2. Khó khăn, hạn chế

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân chủ quan

3.2. Nguyên nhân khách quan

4. Bài học kinh nghiệm

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

1. Bối cảnh và những vấn đề đặt ra đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập thời gian tới

2. Nhiệm vụ và giải pháp

Đề xuất những nhiệm vụ và giải pháp phù hợp nhằm đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập thời gian tới, tạo chuyển biến cơ bản trong xây dựng xã hội học tập, bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội, bình đẳng trong tiếp cận hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông, hiện đại với nhiều mô hình, phương thức và trình độ đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, tiếp tục thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Ban Bí thư Trung ương:

2. Chính phủ:

3. Ban Tuyên giáo Trung ương:

4. Các bộ, ngành Trung ương:

5. Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

6. Ban Thường vụ Huyện ủy:

Thời gian	Tổng số người mù chữ	Tổng số người huy động ra học xóa mù chữ	Trong đó								Ghi chú	
			Trong độ tuổi từ 15 đến 35 tuổi	Chia ra: là người dân tộc thiểu số	Chia ra: được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1	Chia ra: được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2	Trong độ tuổi từ 36 đến 60 tuổi	Chia ra: là người dân tộc thiểu số	Chia ra: được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1	Chia ra: được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2		
Năm 2019												
Năm 2020												
Năm 2021												
Năm 2022												
Năm 2023												

Thời gian	Tổng số người được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1	Tổng số người được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2	Số người tái mù chữ	Ghi chú
Năm 2019				
Năm 2020				
Năm 2021				
Năm 2022				
Năm 2023				

1.4. Kết quả đào tạo từ xa

+ Tổng số cơ sở giáo dục thực hiện đào tạo từ xa

+ Tổng số người được đào tạo từ xa

1.5. Kết quả đào tạo bồi dưỡng cán bộ cơ sở

Thời gian	Công chức cấp xã			Công chức cấp huyện			Công chức cấp tỉnh		
	Tổng số	Số được đào tạo, bồi dưỡng	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Số được đào tạo, bồi dưỡng	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Số được đào tạo, bồi dưỡng	Tỷ lệ (%)
Năm 2019									
Năm 2020									
Năm 2021									
Năm 2022									
Năm 2023									

1.6. Kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đào tạo nghề cho người khuyết tật

Thời gian	Số lao động nông thôn được đào tạo nghề	Số lao động nông thôn được đào tạo nghề có việc làm	Số người khuyết tật được đào tạo nghề	Số người khuyết tật được đào tạo nghề có việc làm
Năm 2019				
Năm 2020				
Năm 2021				
Năm 2022				
Năm 2023				

1.7. Kết quả đào tạo nghề cho người hết tuổi lao động; đào tạo nghề cho người nội trợ

Thời gian	Số người hết tuổi lao động được đào tạo nghề	Số người hết tuổi lao động được đào tạo nghề có việc làm	Số người nội trợ được đào tạo nghề	Số người nội trợ được đào tạo nghề có việc làm
Năm 2019				
Năm 2020				
Năm 2021				
Năm 2022				
Năm 2023				

1.8. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng cho công nhân lao động

Thời gian	Tổng số công nhân lao động	Số công nhân lao động được đào tạo, bồi dưỡng	Tỷ lệ (%)
Năm 2019			
Năm 2020			
Năm 2021			
Năm 2022			
Năm 2023			

